

RUNG LẮC TẠI VÙNG CẢN 1.240-1.245 ĐIỂM

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

MUA

Nhà đầu tư tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu có xu hướng ổn định bám sát đường MA20 ngày, thu hút được dòng tiền giải ngân và dư địa tăng còn đáng kể từ vùng hỗ trợ.

BÁN

Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.240-1.245 điểm.

GMD

MUA

↑ 8,50%

VND70.200

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall đóng cửa nghi lễ Tạ ơn. Giá vàng thế giới ngày 28/11 tiếp tục tăng trong bối cảnh bất ổn địa chính trị và mối lo về chiến tranh thương mại.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường chứng khoán trong nước tiếp tục không có nhóm ngành dẫn dắt. Trong khi đó, sự phân hóa mạnh diễn ra ở đa số các nhóm ngành cổ phiếu. Về kỹ thuật, VN-Index sau nhịp phục hồi từ vùng giá 1200 điểm, đang chịu áp lực cơ cấu danh mục của các vị thế mua ngắn hạn vùng giá thấp và cần thời gian tích lũy. Hỗ trợ gần quanh đường MA20 (1.233-1.238 điểm). Một bằng thanh khoản thấp vẫn tạo điều kiện cho lực cầu trở lại quanh hỗ trợ và giữ được cấu trúc hồi phục đang có.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	44.722,06	-0,31	18,66
S&P 500	5.998,74	-0,38	25,76
Nasdaq	19.060,48	-0,60	26,97
VIX	13,90	-1,42	11,65
DAX	19.425,73	0,85	15,96
FTSE 100	8.281,22	0,08	7,09
CAC40	7.179,25	0,51	-4,82
Hang Seng	19.346,62	-0,11	13,49

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	49,02	SELL
MACD (12,26)	-7,18	SELL
ADX (14)	20,99	SELL
SMA5	1.237,80	BUY
SMA20	1.238,34	BUY
SMA50	1.261,17	SELL
SMA100	1.258,28	SELL
SMA200	1.257,54	SELL

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Tổ chức Các nước Xuất khẩu dầu mỏ cùng các nước đồng minh trong đó có Nga (OPEC+) gồm 22 thành viên dự kiến sẽ quyết định về chính sách sản lượng của mình cho năm 2025 trong bối cảnh giá dầu thô giảm. Nhóm sẽ tiếp tục thảo luận về vấn đề này cùng các lựa chọn khác trước cuộc họp chính sách đã được dời sang ngày 5/12.
- Tối 28/11, NHNN Việt Nam cho biết đã thông báo điều chỉnh tăng thêm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 đối với các tổ chức tín dụng theo nguyên tắc cụ thể, đảm bảo công khai, minh bạch. NHNN cho biết đến ngày 22/11/2024, tín dụng toàn hệ thống tăng 11,12% so với cuối năm 2023.
- Trong tháng 10, Việt Nam xuất khẩu hơn 4.000 tấn cao su sang Mỹ, trị giá gần 8 triệu USD, tăng 22% về lượng và tăng 29% về trị giá so với tháng 9/2024, so với tháng 10/2023 tăng 44% về lượng và tăng 98% về trị giá. Lũy kế 10 tháng năm 2024, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Mỹ đạt hơn 24 nghìn tấn, trị giá 42 triệu USD, tăng 19% về lượng và tăng 79% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.
- **BID:** Tại hội nghị nhà đầu tư, lãnh đạo BIDV cho biết ngân hàng đang làm việc với các nhà đầu tư tiềm năng để có thể phát hành riêng lẻ đợt 1 tỷ lệ 2,9% trong quý I/2025, phần còn lại (6,1%) sẽ được thực hiện sau đó tùy thuộc vào điều kiện thị trường.
- **GMD:** 6 trong số 10 quỹ thành viên KIM Vietnam Fund Management vừa mua vào cổ phiếu của CTCP Gemadep. Tổng cộng, khối lượng mua vào đạt 7,38 triệu cp, qua đó sở hữu cả nhóm tăng từ 21,5 triệu cp (6,9% vốn) lên thành 28,9 triệu cp (9,3% vốn) tại 26/11. Hiện thành viên sở hữu lớn nhất là KIM Vietnam Growth Equity Fund (4,5% vốn).
- **BVH:** Tổng doanh thu hợp nhất của BVH sau 9 tháng đầu năm 2024 đạt 42.121 tỷ đồng, tương ứng gần 1,7 tỷ USD. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất lần lượt đạt 1.964 tỷ đồng và 1.618 tỷ đồng, tăng trưởng tương ứng 14,7% và 13,3% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng tài sản hợp nhất tại 30/09/2024 đạt 238.219 tỷ đồng, tăng 7,7% so với thời điểm 31/12/2023.
- **HDB:** Tại Hội nghị Nhà đầu tư được tổ chức ngày 27/11/2024, ông Phạm Văn Đẩu, Giám đốc Tài chính Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM cho biết, chỉ tiêu lợi nhuận ngân hàng dự kiến đạt trên 16.000 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu lợi nhuận 15.852 tỷ đồng cổ đồng giao.
- **DGC:** Ngày 26/11, nhóm quỹ liên quan Dragon Capital đã bán ra tổng cộng 740.000 cổ phiếu DGC để giảm sở hữu từ 8,11%, về 7,92% vốn điều lệ.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.646,34	0,32	28,28
Dầu WTI	68,88	0,23	-3,87
Dầu Brent	73,28	0,62	-4,88
Than	140,70	0,00	-3,89
Đồng	9.002,00	-0,20	5,18
Quặng sắt	104,00	0,05	-24,59
Thép	488,00	0,00	-13,57

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	105,885	-0,15	4,49
USD/JPY	150,15	0,93	-6,07
USD/CNY	7,2323	0,17	-1,83
EUR/USD	1,0564	0,11	-4,30
GBP/USD	1,2705	0,14	-0,20

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	660,34	139.400	0,36
VHM	270,51	41.100	-1,91
HPG	375,05	26.400	0,38
MWG	226,89	60.000	-0,33
DXG	231,81	17.400	0,29

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	517.549,85	92.600	-0,11
BID	262.790,09	46.100	-0,54
FPT	205.067,04	139.400	0,36
CTG	190.097,71	35.400	0,71
HPG	168.861,01	26.400	0,38

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

GMD

Khuyến nghị
Giá hiện tại
Giá mục tiêu
Tiềm năng tăng giá
Vùng giải ngân
Ngưỡng cắt lỗ
MUA
64.700
70.200
8,50%
63.800–65.000
<61.800

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Kết thúc kinh doanh quý 3/2024 của Tập đoàn Gemadept cho thấy sự cải thiện mạnh mẽ so với cùng kỳ năm ngoái cũng như so với quý trước. Cụ thể, DTT và LNST lần lượt đạt 1.264 tỷ và 335 tỷ đồng, lần lượt tăng 27% và tăng 32% so với cùng kỳ năm trước.
- Xét về thị phần, Tập đoàn Gemadept chiếm 17% thị phần cụm cảng Hải Phòng và 27% thị phần cụm cảng Cái Mép - Thị Vải trong 9 tháng đầu năm nay. Tập đoàn Gemadept cho biết đã hoàn tất thủ tục giấy phép triển khai Giai đoạn 3 của Cảng Nam Đình Vũ và sẽ triển khai xây dựng ngay trong tháng 10/2024 để đưa vào hoạt động vào cuối năm 2025.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- GMD đang tạo vùng dao động hẹp với thanh khoản thấp. Nhà đầu tư có thể theo dõi diễn biến cổ phiếu trong những phiên tới để có hành động phù hợp, vùng mua thăm dò quanh ngưỡng hỗ trợ 63.800–65.000 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	3.898	3.846	1.264
LNST (tỷ đ)	1.308	3.147	501
LNST (tỷ đ)	1.161	2.534	448
Nợ/VCSH (%)	26	20	18
ROE (%)	13,81	28,17	14,68
ROA (%)	8,37	16,94	9,91
EPS (VNĐ)	2.584	6.138	3554,81
P/E (lần)	15,0	9,8	18,29
P/B (lần)	1,98	2,51	2,61

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	NEUTRAL	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	50,34	BUY	
MACD (12,26)	-0,04	SELL	
ADX (14)	12,40	BUY	
SMA5	64.400	BUY	
SMA20	64.780	BUY	
SMA50	64.770	BUY	
SMA100	66.120	SELL	
SMA200	66.550	SELL	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			-0,46%
2	HCM	Nắm giữ	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7			4,26%
3	STB	Nắm giữ	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30			5,24%
4	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			0,00%
5	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			-1,34%
6	ANV	Nắm giữ	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3			-0,56%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	PNJ	Chốt lời	95-96,5	2/8/2024	96	108	91,6	20/8/2024	108	12,50%
2	MWG	Chốt lời	59,5-62	20/6/2024	62	69,8	57,5	21/8/2024	69,8	12,58%
3	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
4	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
5	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
6	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
7	PLX	Cắt lỗ	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8	15/10/2024	42,8	-5,62%
8	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
9	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
10	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
11	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
12	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
13	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
14	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
15	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Ngày: 30/10/2024		
MI CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Điểm 14	-12%
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
MI CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	IC6 thể DCA về 61-62	-6-9%
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Năm giờ	
MI CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-4-5%
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

MG chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕶️ 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi nhuận)	+479,500,700 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room